

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H.CHÂU THÀNH-TIỀN GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 313/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hiếu
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Công Minh
Ông Lê Văn Minh
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà Trần Thị Phụng
Tuyên-Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2021 về tranh chấp: “ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lê Thị M**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, Tiền Giang

* Bị đơn: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị M trình bày: chị và anh N cưới nhau vào năm 1995, đến năm 2002 đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị và anh N sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn N1, sinh ngày 09/01/1997 và Nguyễn Ngọc Thu N2, sinh ngày 13/8/2019. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

* Bị đơn anh N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa, không có ý kiến, yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy

định Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, giao con cho chị M nuôi dưỡng. Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh N.

Tại đơn khởi kiện chị M có yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị M rút lại yêu cầu, đề chị và anh N tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này. Nếu các bên không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[2] Về nội dung: chị M yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con.

Xét thấy, chị M và anh N kết hôn cưới nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn.

Theo chị M trình bày, trong quá trình chung sống thì chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần để hòa giải nhưng anh N không đến, qua đó cũng thể hiện ý chí của anh N là không muốn hàn gắn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh N đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị M yêu cầu được nuôi cháu N2, theo chị M trình bày cháu N2 hiện đang sống với chị, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu N2 nên cần giao cháu cho chị M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị M yêu cầu anh N cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu này của chị M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí: chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị M

2/ Về hôn nhân: cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N

3/ Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Thu N2, sinh ngày 13/8/2019 cho chị M nuôi dưỡng.

Anh N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5/ Về tài sản chung: không yêu cầu.

6/ Về nợ chung: không có.

7/ Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003799 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành xem như đã nộp xong.

Hoàn lại cho chị M 2.750.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003800 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND h.Châu Thành;
- THADS h.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Võ Ngọc Hiếu